CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước Giải khát Hà Nội

Ngày 31/12/2024	38,050 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.1%	**1.5%**	**1.4%**

DT thuần
Q4/24
2,271
tỷ VNĐ
QoQ: ▼64.0| -2.8%
YoY: ▲ 25.0| 1.1%

LN thuần
Q4/24
126
tỷ VNĐ
QoQ: ▼39.0| -23.7%
YoY: ▲ 40.1| 46.6%

LN sau thuế
Q4/24
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▼25.0| -17.9%
YoY: ▲ 49.0| 77.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
6.3%
YoY: +/-▲ 0.3%

ROE
2024
7.2%
YoY: +/-▲ 0.9%

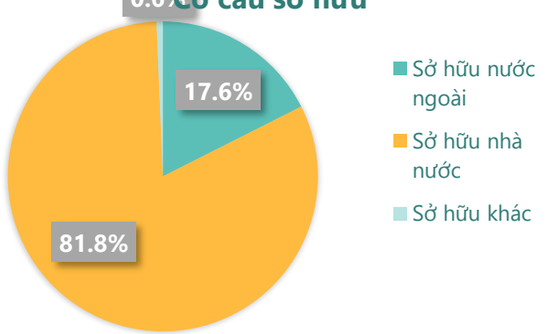
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	35,499 - 39,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,820
Số lượng CPLH (CP)	231,800,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,035
Sở hữu nước ngoài	17.6%
Beta	0.27
EPS	1,649
P/E	23.1

DT thuần
2024
8,220
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 466| 6.0%

LN thuần
2024
491
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 47.0| 10.7%

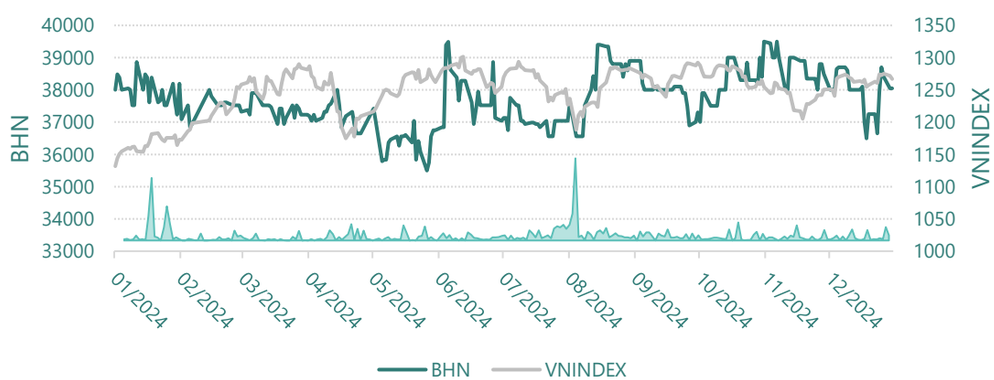
LN sau thuế
2024
403
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.0| 13.5%

Cơ cấu sở hữu

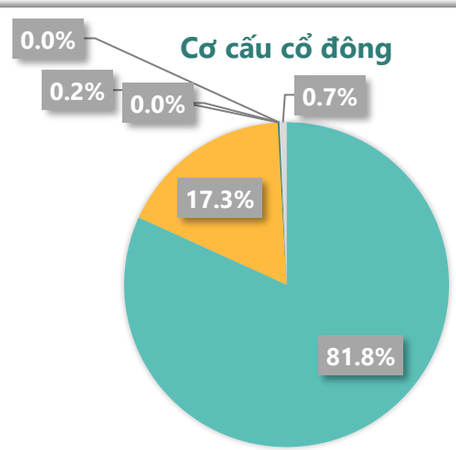


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

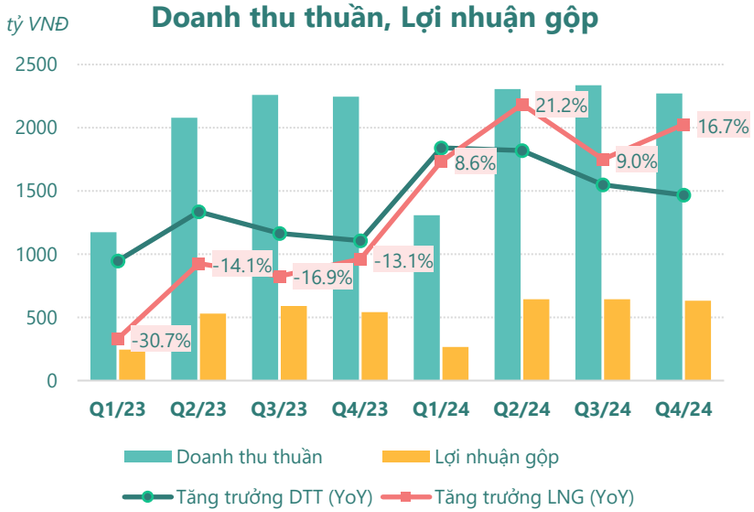




(Nguồn: fireant.vn)

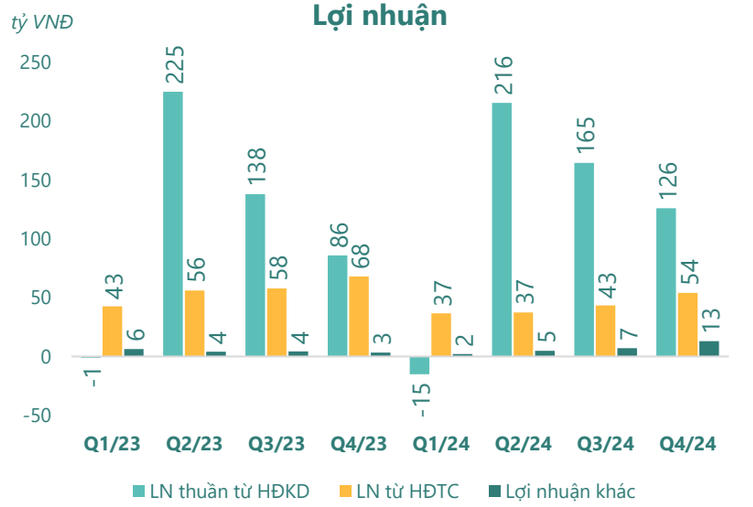
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



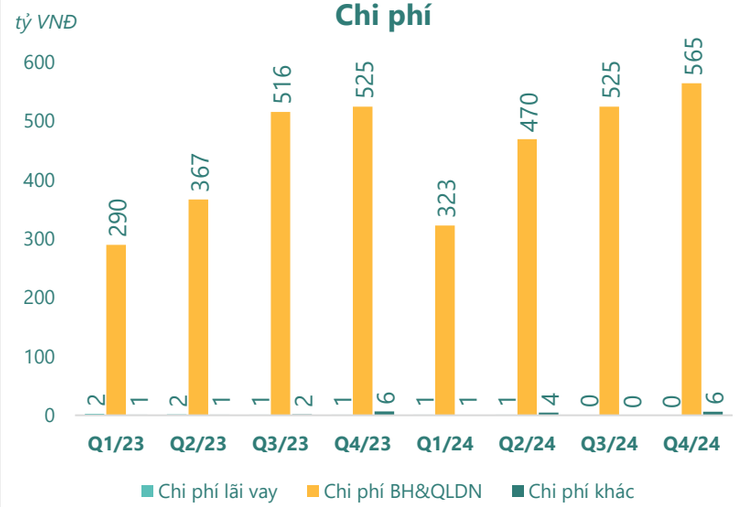
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



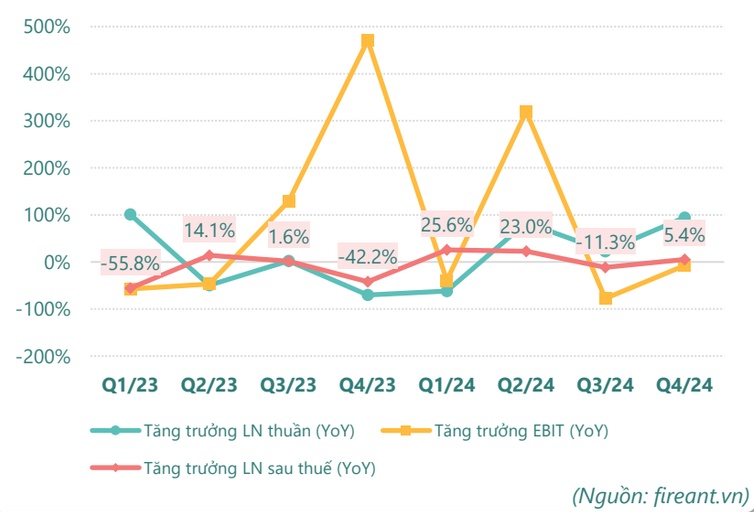
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



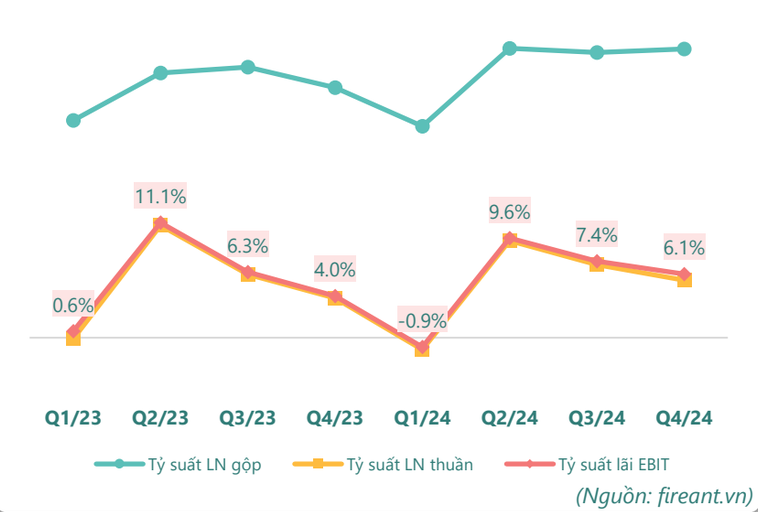
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



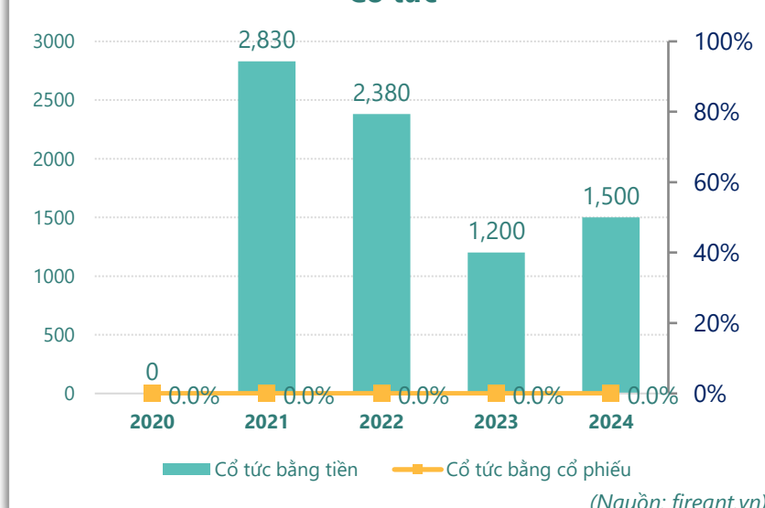
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

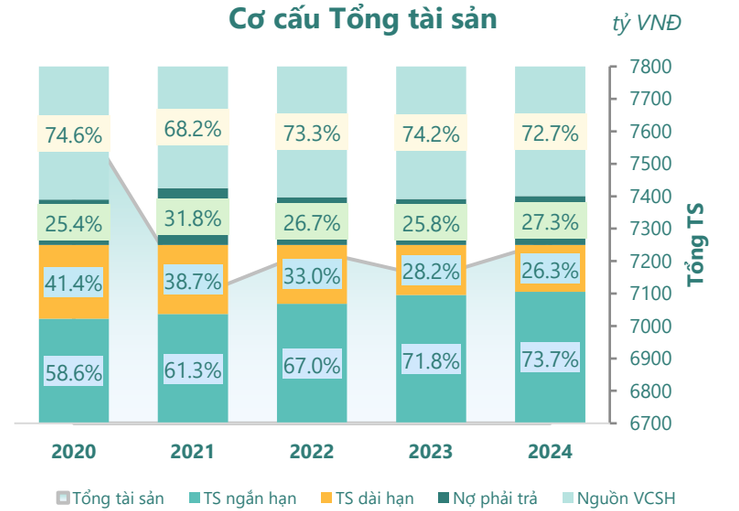
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

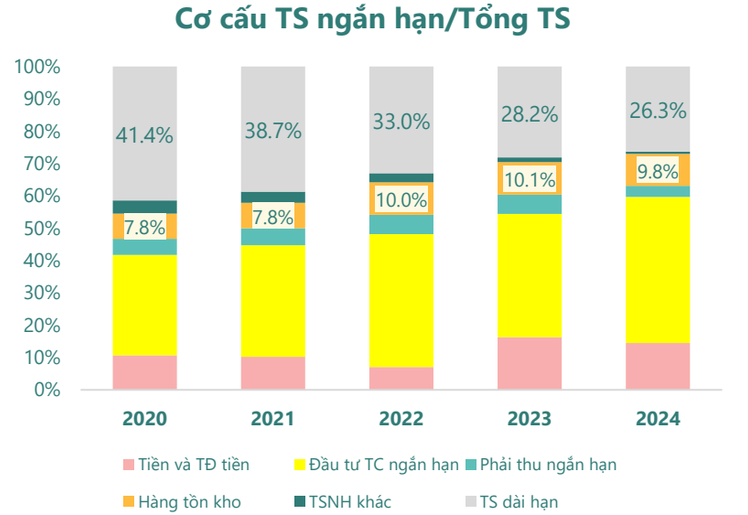
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



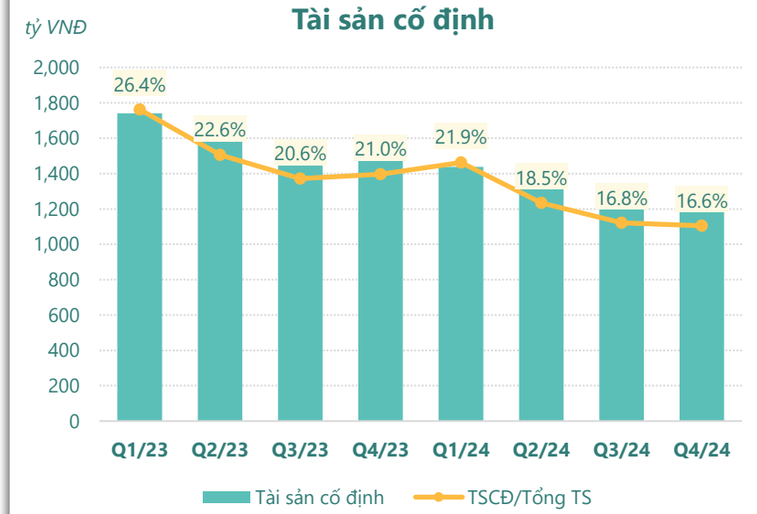
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



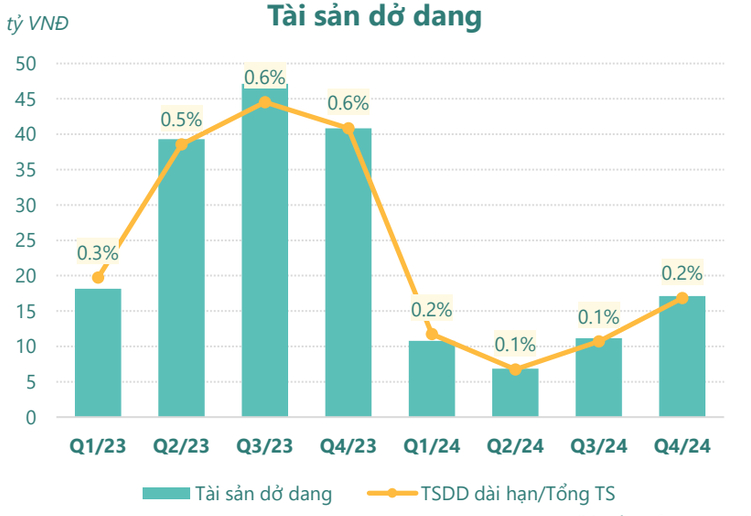
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



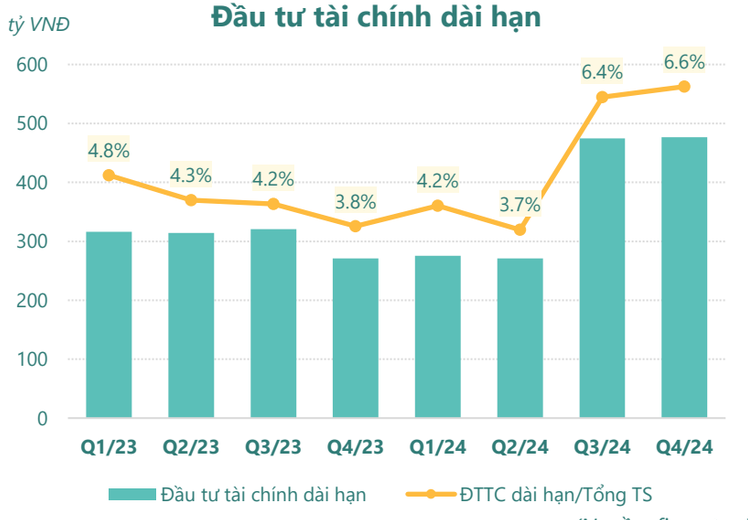
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



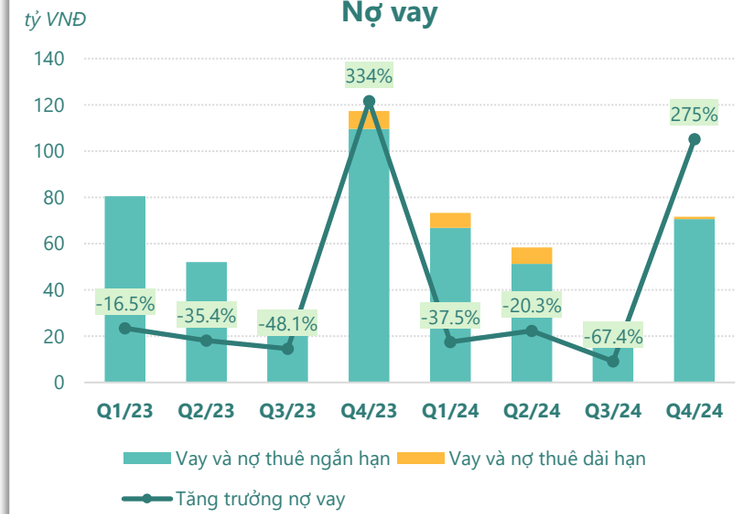
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

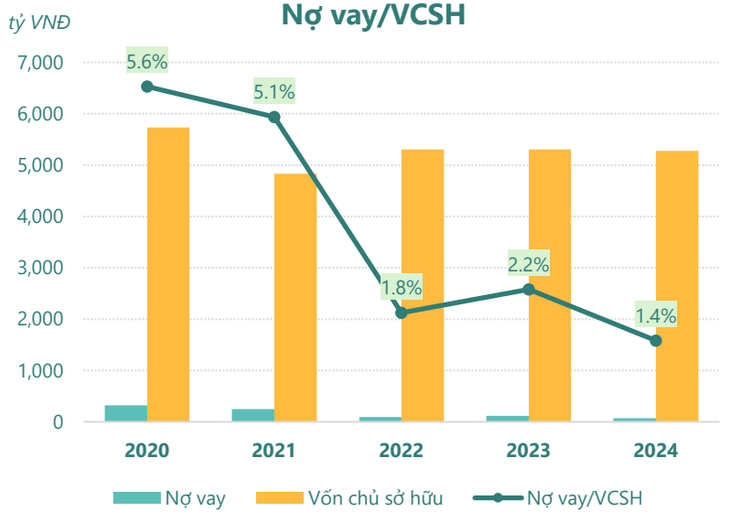
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

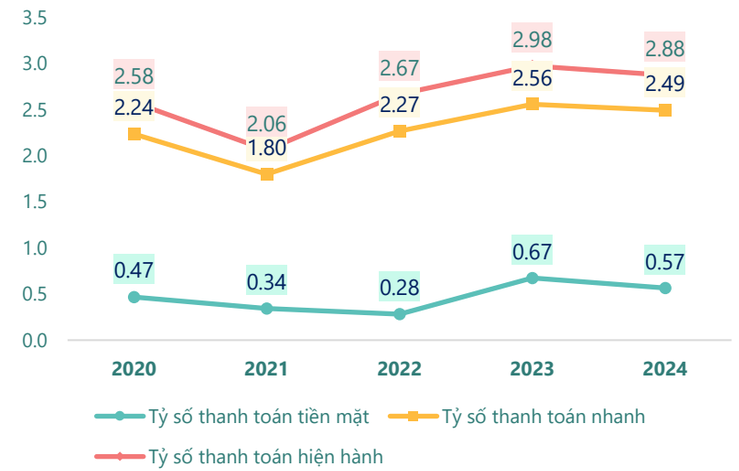
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



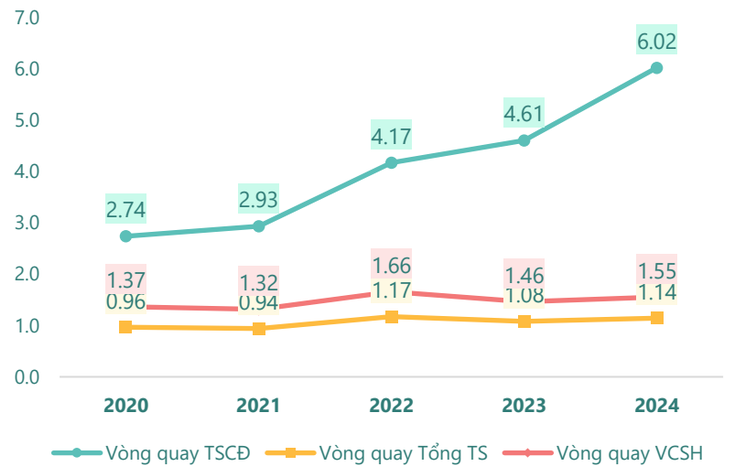
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



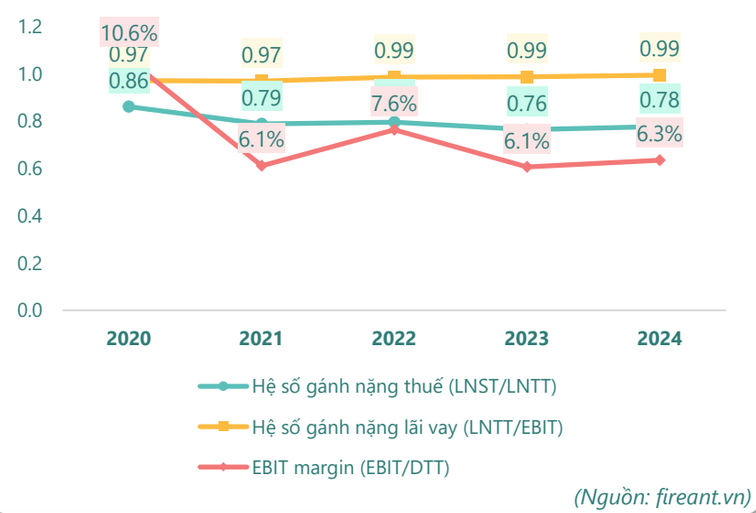
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



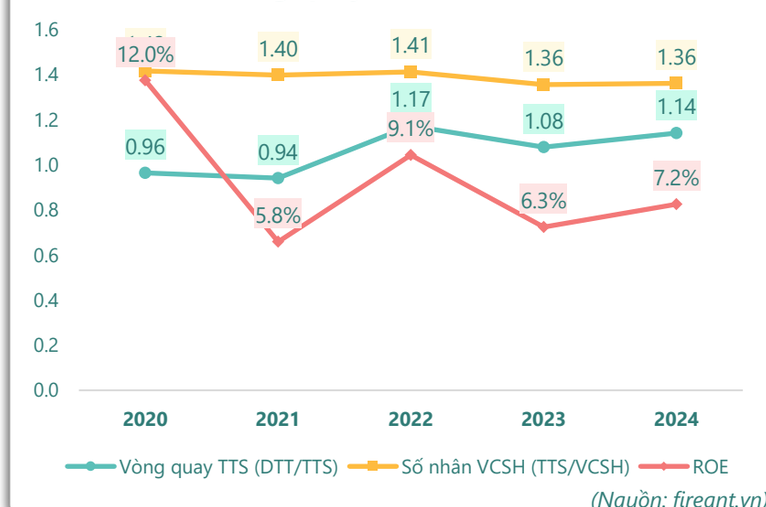
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



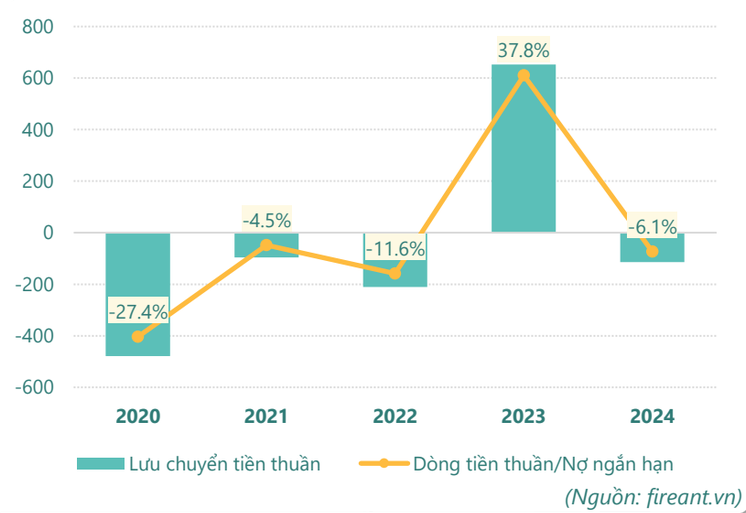
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**2,271**	**2,246**	**1.1%**	**8,220**	**7,754**	**6.0%**
Giá vốn hàng bán	1,638	1,704	-3.9%	6,034	5,840	3.3%
Lợi nhuận gộp	633	542	16.7%	2,186	1,915	14.2%
Doanh thu HĐTC	55.6	69.2	-19.7%	177	232	-23.5%
Chi phí TC	1.41	1.24	13.9%	5.81	6.52	-10.9%
Chi phí lãi vay	0.37	0.87	-57.4%	2.97	5.74	-48.2%
LN trong công ty LKLD	**4.14**	**0.67**	**518%**	**16.3**	**12.4**	**31.3%**
Chi phí bán hàng	405	365	10.9%	1,376	1,201	14.5%
Chi phí QLDN	**160**	**160**	**0.1%**	**506**	**507**	**-0.2%**
LN thuần từ HĐKD	126	85.9	46.6%	491	444	10.7%
Lợi nhuận khác	**13.0**	**3.29**	**294%**	**27.1**	**20.5**	**32.2%**
LN trước thuế	139	89.2	55.8%	518	464	11.6%
Lợi nhuận sau thuế	**113**	**64.0**	**77.1%**	**403**	**355**	**13.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**109**	**57.2**	**91.4%**	**382**	**336**	**13.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	381	-29.9	-381	785	361	172
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-564	902	-199	-620	72.5	89.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-32.7	-187	-44.6	-33.2	-21.5	-294
Tiền đầu kỳ	696	480	1,165	540	671	1,083
Lưu chuyển tiền thuần	**-216**	**685**	**-625**	**132**	**412**	**-32.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	0	0	0	0.19
Tiền cuối kỳ	480	1,165	540	671	1,083	1,051

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,261**	**7,150**	**1.6%**
Tài sản ngắn hạn	5,348	5,136	4.1%
Tiền và tương đương tiền	1,051	1,165	-9.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	3,283	2,724	20.5%
Phải thu ngắn hạn	248	428	-42.0%
Hàng tồn kho	713	719	-1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	53.1	99.8	-46.7%
Tài sản dài hạn	**1,913**	**2,014**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0.23	0.33	-30.6%
Tài sản cố định	1,203	1,527	-21.2%
Bất động sản đầu tư	2.88	3.79	-24.0%
Tài sản dở dang	17.1	10.7	59.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	477	271	75.8%
Tài sản dài hạn khác	**213**	**201**	**6.0%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,983	1,842	7.6%
Nợ ngắn hạn	**1,860**	**1,726**	**7.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	70.7	111	-36.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	617	457	35.0%
Nợ dài hạn	123	116	6.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.92	6.52	-85.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,278**	**5,308**	**-0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**5,277**	**5,307**	**-0.6%**
Vốn điều lệ	2,318	2,318	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.75**	**0.98**	**-23.1%**

(Nguồn: fireant.vn)